

**NGHỊ ĐỊNH số 218-CP ngày 27-12-1961**  
ban hành điều lệ tạm thời về các chế  
độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân,  
viên chức Nhà nước.

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ vào các điều 24, 31 và 32 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ;*

*Để cải tiến và thống nhất các chế độ có tính chất bảo hiểm xã hội hiện hành, nhằm cải thiện đời sống của công nhân, viên chức Nhà nước ;*

*Theo đề nghị của các ông Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Ban Chấp hành Tổng Công đoàn Việt-nam ;*

*Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ ngày 10 tháng 10 năm 1961 ;*

*Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong phiên họp ngày 4 tháng 12 năm 1961 ;*

**NGHỊ ĐỊNH :**

**Điều 1.**— Nay ban hành, kèm theo nghị định này, điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân, viên chức Nhà nước.

**Điều 2.**— Điều lệ này thay thế tất cả những quy định trước đây về các chế độ có tính chất bảo hiểm xã hội.

**Điều 3.**— Bộ Lao động, Bộ Nội vụ và Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành điều lệ này.

**Điều 4.**— Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ và Tổng Công đoàn Việt-nam hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành điều lệ này.

**Điều 5.**— Điều lệ này thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1962.

*Hà nội, ngày 27 tháng 12 năm 1961*

T.M Hội đồng Chính phủ

*Thủ tướng Chính phủ*

PHẠM VĂN ĐỒNG

**ĐIỀU LỆ TẠM THỜI**

**về các chế độ bảo hiểm xã hội đối  
với công nhân, viên chức Nhà nước**

**LỜI NÓI ĐẦU**

Ngay sau khi thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa và suốt trong thời kỳ kháng chiến cho đến nay, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về mọi mặt, Chính phủ đã luôn luôn chăm lo cải thiện đời

sống của nhân dân lao động. Đối với công nhân, viên chức nhà nước, đi đôi với việc cải tiến chế độ tiền lương, Chính phủ đã ban hành các chế độ trợ cấp mà thực chất là chế độ bảo hiểm xã hội, như : chế độ trợ cấp khi ốm đau, sinh đẻ, tai nạn lao động, trợ cấp khi chết, đồng thời đã xây dựng nhiều bệnh viện, bệnh xá, nhà an dưỡng, điều dưỡng, nhà gửi trẻ v.v... Các chế độ và sự nghiệp có tính chất bảo hiểm xã hội này tuy mới chỉ là bước đầu nhưng đã có tác dụng rõ rệt ; đã giải quyết được một phần những khó khăn trong sinh hoạt của công nhân, viên chức nhà nước, làm cho anh chị em phấn khởi đầy mạnh sản xuất và công tác.

Từ ngày hòa bình lập lại, miền Bắc nước ta đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sau khi hoàn thành thắng lợi kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hóa, chúng ta đang bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, lấy công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa làm nhiệm vụ trung tâm. Số công nhân, viên chức sẽ ngày càng tăng lên. Các chế độ trợ cấp xã hội hiện hành cần được bổ sung và cải tiến để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, nhằm phục vụ yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời đáp ứng yêu cầu không ngừng cải thiện đời sống của công nhân viên chức nhà nước.

Điều 32 của Hiến pháp được Quốc hội thông qua ngày 31 tháng 12 năm 1959 đã ghi rõ quyền của người lao động được giúp đỡ về vật chất khi già yếu, bệnh tật, hoặc mất sức lao động. Điều lệ tạm thời này về các chế độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân, viên chức nhà nước là bước đầu thực hiện điều nói trên của Hiến pháp.

Điều lệ tạm thời này về bảo hiểm xã hội bảo đảm những điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần cho công nhân, viên chức nhà nước trong những trường hợp tạm thời hay vĩnh viễn mất sức lao động và áp dụng thống nhất cho toàn thể công nhân, viên chức Nhà nước. Các chế độ đãi ngộ về bảo hiểm xã hội trong điều lệ tạm thời này chủ yếu dựa vào nguyên tắc phân phối theo lao động nhằm khuyến khích mọi người tăng cường kỷ luật lao động, đầy mạnh sản xuất, góp phần ổn định lực lượng lao động trong các ngành kinh tế quốc dân.

Điều lệ tạm thời này về các chế độ bảo hiểm xã hội được xây dựng phù hợp với hoàn cảnh kinh tế, chính trị và xã hội hiện nay của nước ta, không những có tác dụng động viên công nhân, viên chức và nhân dân lao động ở miền Bắc phấn khởi nỗ lực sản xuất và công tác, đầy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà còn làm cho công nhân, viên chức và nhân dân lao động ở miền Nam thấy rõ tính chất hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, do đó càng tăng thêm tin tưởng, tăng cường đoàn kết và đấu tranh đòi quyền sinh sống hàng ngày, đồng thời kiên quyết đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

## CHƯƠNG I

## NGUYÊN TẮC CHUNG

**Điều 1.** — Điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội nhằm bảo đảm điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần cho công nhân, viên chức nhà nước trong những trường hợp tạm thời hay vĩnh viễn mất sức lao động, nhằm giảm nhẹ khó khăn trong đời sống, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của công nhân, viên chức.

**Điều 2.** — Mức độ đãi ngộ về bảo hiểm xã hội được quy định căn cứ vào sự cống hiến, thời gian công tác, điều kiện làm việc, đồng thời cũng căn cứ vào tình trạng mất sức lao động nhiều hay ít của mỗi công nhân, viên chức trong từng trường hợp. Trợ cấp về bảo hiểm xã hội nói chung thấp hơn tiền lương của công nhân, viên chức khi đang làm việc, nhưng mức thấp nhất cũng bằng mức sinh hoạt tối thiểu.

**Điều 3.** — Mọi đãi ngộ về bảo hiểm xã hội quy định trong điều lệ tạm thời này đều do quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước đài thọ.

**Điều 4.** — Điều lệ tạm thời này áp dụng cho toàn thể công nhân, viên chức nhà nước ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, kể cả cán bộ, công nhân hoạt động ở các cơ quan của các đoàn thể nhân dân, không phân biệt dân tộc, nam, nữ, quốc tịch, trừ những người làm việc tạm thời, theo thời vụ, theo hợp đồng trong một thời gian ngắn.

Điều lệ tạm thời này cũng áp dụng cho công nhân, viên chức ở:

— Những xí nghiệp công tư hợp doanh đã áp dụng chế độ tiền lương như xí nghiệp quốc doanh;

— Những xí nghiệp công nghiệp địa phương đã có kế hoạch lao động tiền lương ghi trong kế hoạch nhà nước.

Đối với các cán bộ, nhân viên công tác ở các tổ chức dân lập sẽ có quy định riêng.

**Điều 5.** — Công nhân, viên chức nhà nước đang bị án phạt giam không được hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội quy định trong điều lệ tạm thời này.

## CHƯƠNG II

## CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI

**Tiết 1.** — Chế độ đãi ngộ công nhân, viên chức nhà nước khi ốm đau.

**Điều 6.** — Công nhân, viên chức nhà nước khi ốm đau được khám bệnh và điều trị tại những cơ sở y tế của nhà nước. Mọi chi phí về khám bệnh, thuốc men và bồi dưỡng do nhà nước đài thọ.

Bộ Y tế, Bộ Lao động và Bộ Nội vụ sẽ quy định chi tiết về chế độ chữa bệnh cho công nhân, viên chức nhà nước.

**Điều 7.** — Trong suốt thời gian nghỉ việc vì ốm đau, được thầy thuốc chứng nhận, cho đến khi khỏi

bệnh trở lại làm việc hay được xác nhận là không còn khả năng làm việc nữa, công nhân, viên chức nhà nước không hưởng lương mà hưởng trợ cấp quy định như sau:

Loại	Thời gian công tác liên tục	Mức trợ cấp được hưởng	
		Ba tháng đầu	Từ tháng thứ tư trở đi
I	Từ 1 đến hết 3 năm	70% lương kể cả phụ cấp (nếu có)	60% lương kể cả phụ cấp (nếu có)
II	Từ trên 3 năm đến hết 7 năm	80% lương kể cả phụ cấp (nếu có)	70% lương kể cả phụ cấp (nếu có)
III	Từ trên 7 năm đến hết 12 năm	90% lương kể cả phụ cấp (nếu có)	80% lương kể cả phụ cấp (nếu có)
IV	Trên 12 năm	100% lương kể cả phụ cấp (nếu có)	90% lương kể cả phụ cấp (nếu có)

Công nhân viên chức nhà nước công tác dưới 1 năm được trợ cấp bằng 70% lương và phụ cấp (nếu có) trong thời hạn nhiều nhất là 3 tháng. Hết hạn này mà bệnh chưa khỏi và nếu gặp khó khăn túng thiếu đương sự sẽ được giúp đỡ như nhân dân (do quỹ cứu tế xã hội của địa phương đài thọ). Đối với công nhân, viên chức nhà nước đang tập sự sẽ có quy định riêng.

**Điều 8.** — Công nhân, viên chức là anh hùng lao động, anh hùng quân đội chuyên ngành, thương binh, người công tác ở miền núi và ở các nghề đặc biệt nặng nhọc, khi ốm đau, được hưởng chế độ ưu đãi như sau:

— Công nhân, viên chức nhà nước là anh hùng lao động, anh hùng quân đội chuyên ngành được trợ cấp theo loại IV.

— Công nhân, viên chức nhà nước là thương binh và công nhân, viên chức công tác ở miền núi hay ở nghề đặc biệt nặng nhọc được trợ cấp theo loại trên liền với loại mà mình được hưởng theo quy định về thời gian công tác.

Bộ Lao động, Bộ Nội vụ và Bộ Y tế sẽ quy định cụ thể những vùng miền núi và các nghề đặc biệt nặng nhọc được áp dụng chế độ ưu đãi trên.

**Điều 9.** — Mức trợ cấp thấp nhất cho công nhân, viên chức nhà nước khi ốm đau là 22 đồng một tháng.

**Điều 10.** — Sau khi điều trị, nếu còn sức khỏe để làm việc, công nhân, viên chức sẽ được tiếp tục làm công việc cũ hoặc được bố trí công việc thích hợp, và hưởng lương theo công việc mới. Nếu vì kém sức khỏe mà phải thôi việc, thì được hưởng chế độ trợ cấp mất sức lao động nếu có đủ điều kiện.

**Điều 11.** — Công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn không thuộc diện hưởng chế độ trợ cấp tai nạn lao động cũng được đãi ngộ như khi ốm đau.

**Điều 12.** — Nữ công nhân, viên chức được thầy thuốc chứng nhận phải nghỉ việc để trông nom

con nhỏ ốm đau, được hưởng trong một thời gian nhất định mức trợ cấp như khi bản thân ốm đau.

Trường hợp mẹ chết, con nhỏ ở với cha, hay vì điều kiện đặc biệt mẹ không thể trông nom con, thì người cha (là công nhân, viên chức nhà nước) phải nghỉ việc để trông nom con ốm cũng được hưởng khoản trợ cấp này.

Bộ Lao động và Bộ Nội vụ sẽ quy định chi tiết về việc thi hành điều khoản này.

**Tiết 2. — Chế độ đãi ngộ nữ công nhân, viên chức nhà nước khi có thai và khi đẻ**

**Điều 13. —** Nữ công nhân, viên chức nhà nước được hưởng quyền lợi khám thai ở các cơ sở y tế nhà nước.

**Điều 14. —** Nữ công nhân, viên chức nhà nước được nghỉ trước và sau khi đẻ tất cả là 60 ngày (kể cả chủ nhật và ngày lễ).

Nếu đẻ sinh đôi thì được nghỉ thêm 10 ngày, sinh ba được nghỉ thêm 20 ngày.

**Điều 15. —** Nữ công nhân, viên chức nhà nước làm nghề đặc biệt nặng nhọc, ngoài thời gian nghỉ đẻ quy định chung ở điều 14, được nghỉ thêm 15 ngày.

Bộ Lao động, Bộ Nội vụ và Bộ Y tế sẽ quy định cụ thể những nghề đặc biệt nặng nhọc được nghỉ thêm nói trên đây.

**Điều 16. —** Nữ công nhân, viên chức nhà nước đẻ non, có thầy thuốc chứng nhận, cũng được nghỉ 60 ngày.

**Điều 17. —** Nữ công nhân, viên chức nhà nước bị sảy thai, tùy theo tình hình sức khỏe được nghỉ như sau:

— Sảy thai từ 3 tháng trở xuống, nghỉ từ 7 đến 15 ngày;

— Sảy thai trên 3 tháng, nghỉ từ 15 đến 30 ngày.

Người làm nghề đặc biệt nặng nhọc bị sảy thai được nghỉ thêm từ 3 đến 10 ngày.

Số ngày cần nghỉ này do thầy thuốc định.

**Điều 18. —** Trong thời gian nghỉ đẻ và nghỉ vì đẻ non hay sảy thai, nữ công nhân, viên chức nhà nước được hưởng trợ cấp thay tiền lương bằng 100% lương kể cả phụ cấp và trợ cấp con (nếu có).

**Điều 19. —** Nữ công nhân, viên chức nhà nước khi đẻ hay đẻ non, được hưởng:

— Tiền bồi dưỡng: 12 đồng.

— Tiền sắm tã lót: 8 đồng.

Nếu đẻ sinh đôi, sinh ba thì được hưởng tiền bồi dưỡng và tã lót gấp đôi, gấp ba.

**Điều 20. —** Nữ công nhân, viên chức nhà nước khi sảy thai được điều trị và bồi dưỡng ở bệnh viện theo chế độ đãi ngộ khi ốm đau. Nếu vì xa bệnh viện, bệnh xá, phải nghỉ ở nhà, thì được trợ cấp một khoản tiền bồi dưỡng là 6 đồng.

**Điều 21. —** Nữ công nhân, viên chức nhà nước vì đẻ hay vì sảy thai mà sức khỏe suy nhược, được thầy thuốc chứng nhận là không thể trở lại làm

việc ngay khi hết hạn nghỉ như đã quy định ở trên, thì được đãi ngộ như khi đau ốm.

**Điều 22. —** Nữ công nhân, viên chức nhà nước sau khi đẻ bị mất sữa, hoặc không được cho con bú vì mắc bệnh truyền nhiễm, được trợ cấp mỗi tháng 10 đồng cho mỗi đứa con tới khi con đủ 10 tháng.

— Nếu nữ công nhân, viên chức nhà nước đẻ sinh đôi, sinh ba, dù có sữa cho con bú, cũng được hưởng khoản trợ cấp nói trong điều 22 này cho con thứ hai trở đi.

— Đối với nữ công nhân, viên chức nhà nước chết, hoặc nam công nhân, viên chức nhà nước có vợ không phải là công nhân, viên chức nhà nước chết, khi con chưa được 10 tháng, thì người nuôi con được hưởng trợ cấp này.

Bộ Y tế, Bộ Lao động và Bộ Nội vụ sẽ quy định chi tiết thi hành chế độ này.

**Tiết 3. — Chế độ đãi ngộ công nhân, viên chức nhà nước khi bị tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp.**

**Điều 23. —** Công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động được hưởng chế độ đãi ngộ quy định trong tiết này.

Bộ Lao động và Bộ Nội vụ sẽ quy định cụ thể những trường hợp được hưởng chế độ đãi ngộ về tai nạn lao động.

**Điều 24. —** Tiền thuốc men, bồi dưỡng, tiền phở tồn về tàu xe đi bệnh viện và ở bệnh viện về cho công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động trong thời gian điều trị, kể cả thời gian điều trị khi vết thương tái phát, do Nhà nước đài thọ.

**Điều 25. —** Công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thay tiền lương bằng 100% lương kể cả phụ cấp (nếu có) trong suốt thời gian điều trị cho đến khi khỏi bệnh hay thành cố tật.

**Điều 26. —** Công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động được xếp hạng thương tật và hưởng trợ cấp quy định như sau, cho đến khi thương tật được chữa lành hay đến khi chết (trừ trường hợp được về hưu nói trong điều 52 của điều lệ này):

— Hạng 1 mất từ 5 đến 30% sức lao động, được trợ cấp một lần bằng từ 1 đến 4 tháng lương chính khi bị nạn.

— Hạng 2 mất từ 31 đến 40% sức lao động, được trợ cấp hàng tháng bằng 7% lương chính khi bị nạn.

— Hạng 3 mất từ 41 đến 50% sức lao động, được trợ cấp hàng tháng bằng 10% lương chính khi bị nạn.

— Hạng 4 mất từ 51 đến 60% sức lao động, được trợ cấp hàng tháng bằng 15% lương chính khi bị nạn.

— Hạng 5 mất từ 61 đến 70% sức lao động, được trợ cấp hàng tháng bằng 25% lương chính khi bị nạn.

— Hạng 6 mất từ 71 đến 80% sức lao động, được trợ cấp hàng tháng bằng 50% lương chính khi bị nạn.

— Hạng 7 mất từ 81 đến 90% sức lao động, được trợ cấp hàng tháng bằng 60% lương chính khi bị nạn.

— Hạng 8 mất từ 91 đến 100% sức lao động, được trợ cấp hàng tháng bằng 70% lương chính khi bị nạn.

Nếu do tai nạn, người bị tai nạn lao động cần dùng chân tay giả, mắt giả, kính, máy điếc, v.v... thì được cấp phát không phải trả tiền.

**Điều 27.** — Hội đồng khám xét thương tật có nhiệm vụ xếp hạng thương tật cho công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động.

Bộ Y tế, Bộ Lao động và Bộ Nội vụ sẽ quy định về tổ chức quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng khám xét thương tật cho công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động.

**Điều 28.** — Công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động mất từ 70% sức lao động trở xuống, nếu không thể tiếp tục công việc cũ, thì được hỗ trợ công việc mới hợp với khả năng và hưởng lương theo công việc mới.

Công nhân, viên chức nhà nước, vì lợi ích chung đã có những hành động hy sinh dũng cảm mà bị tai nạn lao động nếu do thương tật mà khả năng lao động giảm sút, và lương mới cộng với trợ cấp thương tật hàng tháng không bằng lương cũ, thì được hưởng thêm một khoản phụ cấp chênh lệch cho bằng lương cũ. Nếu trở thành tàn phế, phải thôi việc, thì được hưởng trợ cấp thương tật hàng tháng bằng 100% lương chính khi bị nạn.

**Điều 29.** — Đối với công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động, không còn khả năng làm việc, nếu mức trợ cấp hàng tháng tính theo điều 26 trên đây không đủ 22 đồng thì được nâng lên bằng mức đó.

Ngoài trợ cấp thương tật, những người tàn phế cần phải có người phục vụ được thêm một khoản trợ cấp bằng 10% lương chính.

Người bị tai nạn lao động không có nơi nương tựa sẽ được thu nhận vào nhà an dưỡng. Khi vào nhà an dưỡng, nếu trợ cấp thương tật thấp hơn mức sinh hoạt thấp nhất của nhà an dưỡng, thì được nâng lên bằng mức đó.

**Điều 30.** — Công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động nói ở điều 29, khi mới thôi việc được trợ cấp thêm một khoản tiền lĩnh làm một lần, bằng một tháng lương, kể cả phụ cấp và trợ cấp con (nếu có).

Khi thôi việc, nếu công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp con, thì vẫn được tiếp tục lĩnh trợ cấp của những đứa con đó theo chế độ hiện hành.

Khi ốm đau, công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động đã thôi việc được khám và chữa bệnh tại các cơ sở y tế thuộc địa phương nơi cư trú, được hưởng chế độ thuốc men, bồi dưỡng;

khi chết được trợ cấp tiền chôn cất theo quy định ở điều 55, và những thân nhân do người đó khi còn sống phải nuôi dưỡng được hưởng tiền tuất hàng tháng quy định ở điều 61.

**Điều 31.** — Công nhân, viên chức nhà nước bị cô tật vì tai nạn lao động, nếu được chuyển sang học nghề mới, thì trong thời gian học nghề, ngoài phụ cấp thương tật hàng tháng, được hưởng sinh hoạt phí theo chế độ đối với công nhân, viên chức được cử đi học nghề. Nhưng cả hai khoản cộng lại không được quá 100% lương chính khi bị nạn. Sau khi học thành nghề, sẽ hưởng lương theo công việc mới và trợ cấp thương tật hàng tháng của mình.

**Điều 32.** — Khi công nhân, viên chức nhà nước chết vì tai nạn lao động hay do vết thương vì tai nạn lao động cũ, thì thân nhân được trợ cấp tiền chi phí về chôn cất và tiền tuất quy định ở các điều 55, 56 và 58 của điều lệ tạm thời này.

**Điều 33.** — Các điều quy định trong tiết này áp dụng chung cho mọi công nhân, viên chức nhà nước, kể cả những người làm việc tạm thời theo thời vụ, theo hợp đồng trong một thời gian ngắn.

Những người làm việc theo lối khoán tự do, không do đơn vị sử dụng quản lý về mặt nhân sự về điều kiện và phương tiện làm việc, không thuộc phạm vi áp dụng của tiết này.

**Điều 34.** — Bộ Y tế, Bộ Lao động và Bộ Nội vụ sẽ quy định chế độ đãi ngộ về các loại bệnh nghề nghiệp.

**Tiết 4.** — Chế độ đãi ngộ công nhân, viên chức nhà nước thôi việc vì mất sức lao động.

**Điều 35.** — Công nhân, viên chức nhà nước mất sức lao động vì đau ốm, vì tai nạn không thuộc diện hưởng chế độ trợ cấp về tai nạn lao động, hoặc vì già, yếu nhưng không đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hưu trí, phải thôi việc, khi đã công tác liên tục từ 5 năm trở lên, được hưởng trợ cấp quy định như sau cho đến khi sức khỏe hồi phục hay chết:

— Nếu thời gian công tác liên tục đủ 5 năm; thì được trợ cấp hàng tháng bằng 35% lương chính;

— Nếu thời gian công tác liên tục trên 5 năm, thì từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 mỗi năm thêm 1% lương chính và từ năm thứ 11 trở đi mỗi năm thêm 2% lương chính; nhưng nhiều nhất trợ cấp hàng tháng không quá 65% lương chính;

— Người tàn phế cần phải có người phục vụ được hưởng thêm hàng tháng một khoản trợ cấp bằng 10% lương chính;

— Nếu trước khi thôi việc, vì sức khỏe sút kém phải chuyển sang làm việc nhẹ, hưởng lương thấp hơn trước, thì được lấy mức lương của công việc trước khi chuyển sang việc nhẹ để tính trợ cấp hàng tháng.

**Điều 36.** — Mức trợ cấp thấp nhất cho công nhân, viên chức nhà nước có thời gian công tác liên tục từ 5 năm trở lên mất sức lao động phải thôi việc là 15 đồng một tháng.

**Điều 37.** — Công nhân, viên chức Nhà nước mất sức lao động phải thôi việc, khi mới thôi việc được trợ cấp thêm một khoản tiền bằng một tháng lương kể cả phụ cấp và trợ cấp con (nếu có).

**Điều 38.** — Công nhân, viên chức Nhà nước có thời gian công tác liên tục từ 5 năm trở lên mất sức lao động đã thôi việc, khi ốm đau được khám và chữa bệnh tại các cơ sở y tế thuộc địa phương nơi cư trú, được hưởng chế độ thuốc men và bồi dưỡng; khi chết được trợ cấp tiền chi phí về chôn cất theo quy định ở điều 55 của điều lệ tạm thời này.

Nếu không có nơi nương tựa, thì được thu nhận vào nhà an dưỡng, và được hưởng chế độ của nhà an dưỡng như quy định ở điều 29.

**Điều 39.** — Tính từ ngày thôi việc, cứ hai năm một lần, công nhân, viên chức nhà nước mất sức lao động sẽ được Hội đồng Giám định y khoa nơi cư trú khám lại. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng Giám định y khoa, cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm xã hội ở địa phương sẽ quyết định việc ngừng hoặc tiếp tục trợ cấp mất sức lao động.

**Điều 40.** — Công nhân, viên chức Nhà nước mất sức lao động phải thôi việc, mà đã công tác liên tục dưới 5 năm, được trợ cấp một lần, cứ mỗi năm bằng một tháng lương; nhưng thấp nhất cũng bằng hai tháng lương, kể cả phụ cấp và trợ cấp con (nếu có).

**Điều 41.** — Những công nhân, viên chức nhà nước mất sức lao động đã thôi việc và đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo thông tư số 13-TTg ngày 7 tháng 1 năm 1960, nếu tính đến ngày thôi việc có đủ điều kiện quy định ở điều 35, thì nay được hưởng chế độ trợ cấp quy định ở tiết này.

Bộ Lao động và Bộ Nội vụ sẽ quy định chi tiết thi hành chế độ này.

#### **Tiết 5. — Chế độ trợ cấp hưu trí.**

**Điều 42.** — Công nhân, viên chức nhà nước nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi được về hưu. Ngoài điều kiện tuổi nói trên công nhân, viên chức có đủ điều kiện sau đây được hưởng chế độ trợ cấp hưu trí:

— Nam: thời gian công tác nói chung 25 năm, thời gian công tác liên tục 5 năm.

— Nữ: thời gian công tác nói chung 20 năm, thời gian công tác liên tục 5 năm.

**Điều 43.** — Công nhân, viên chức nhà nước nam 55 tuổi, có thời gian công tác nói chung 20 năm, thời gian công tác liên tục 5 năm, nữ 50 tuổi, có thời gian công tác nói chung 15 năm, thời gian công tác liên tục 5 năm, làm việc đặc biệt nặng nhọc hay có việc hại sức khỏe liên trong 10 năm, cũng được hưởng chế độ trợ cấp hưu trí.

Bộ Lao động, Bộ Nội vụ và Bộ Y tế sẽ quy định cụ thể những công việc đặc biệt nặng nhọc và những việc có hại sức khỏe nói ở điều này.

**Điều 44.** — Công nhân, viên chức nhà nước có đủ điều kiện về tuổi, tuy chưa đủ điều kiện về

thời gian công tác nói chung, nhưng thời gian công tác liên tục đủ 15 năm, cũng được hưởng chế độ trợ cấp hưu trí.

**Điều 45.** — Công nhân, viên chức nhà nước nam 55 tuổi, nữ 50 tuổi, ốm yếu, không còn khả năng lao động, nếu thời gian công tác liên tục đủ 15 năm, cũng được hưởng chế độ trợ cấp hưu trí.

**Điều 46.** — Kể từ ngày về hưu cho tới khi chết, công nhân viên chức nhà nước đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hưu trí được lĩnh trợ cấp hàng tháng như sau:

— Nếu thời gian công tác liên tục đủ 5 năm, được trợ cấp bằng 45% lương chính khi thôi việc.

— Nếu thời gian công tác liên tục trên 5 năm, thì từ năm thứ 6 đến năm thứ 10, mỗi năm thêm 1% và từ năm thứ 11 trở đi mỗi năm thêm 2%, nhưng nhiều nhất trợ cấp hàng tháng không được quá 75% lương chính.

— Nếu trước khi về hưu, vì sức khỏe kém sút, công nhân, viên chức nhà nước phải chuyển sang làm việc nhẹ hưởng lương thấp hơn trước, thì được lấy mức lương cao nhất đã được hưởng trong thời gian 10 năm trước khi về hưu để tính trợ cấp hàng tháng.

**Điều 47.** — Công nhân, viên chức nhà nước có công lao, có thành tích lớn, anh hùng lao động, anh hùng quân đội chuyên ngành, ngoài trợ cấp được hưởng theo điều 46, hàng tháng còn được thêm một khoản trợ cấp ưu đãi từ 5% đến 15% lương chính do Bộ Nội vụ và Bộ Lao động quyết định.

**Điều 48.** — Công nhân, viên chức nhà nước về hưu được bảo đảm mức sinh hoạt thấp nhất ấn định là 22 đồng một tháng.

Nếu trợ cấp tính theo tỷ lệ quy định ở điều 46 thấp hơn mức trên thì được nâng lên cho bằng mức đó.

**Điều 49.** — Công nhân, viên chức nhà nước khi về hưu nếu không có nơi nương tựa, được thu nhận vào nhà dưỡng lão.

**Điều 50.** — Công nhân, viên chức nhà nước khi về hưu trợ cấp thêm một khoản tiền bằng một tháng lương kể cả phụ cấp và trợ cấp con (nếu có).

**Điều 51.** — Công nhân, viên chức nhà nước được hưởng chế độ hưu trí, ở với gia đình hay ở nhà dưỡng lão, khi ốm đau được khám và chữa bệnh tại các cơ sở y tế thuộc địa phương nơi cư trú, được hưởng chế độ thuốc men và bồi dưỡng; khi chết được trợ cấp tiền chi phí về chôn cất theo quy định ở điều 55 và những thân nhân do người đó khi còn sống phải nuôi dưỡng được hưởng tiền tuất hàng tháng quy định ở điều 61.

**Điều 52.** — Công nhân, viên chức nhà nước về hưu, nếu có trợ cấp thương tật, thì hàng tháng ngoài trợ cấp hưu trí, còn được thêm 10% của trợ cấp thương tật.

**Điều 53.** — Công nhân, viên chức nhà nước đủ điều kiện về hưu trí, nhưng do yêu cầu công tác,

được lưu lại để làm việc, thì không được hưởng trợ cấp hưu trí.

**Điều 54.** — Những công nhân, viên chức nhà nước già, yếu, mất sức lao động đã thôi việc và đang hưởng trợ cấp hàng tháng quy định ở thông tư số 13-TTg ngày 7 tháng 1 năm 1960 nếu tính đến ngày thôi việc đã đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hưu trí, thì được hưởng chế độ trợ cấp quy định ở tiết này.

Bộ Lao động và Bộ Nội vụ sẽ quy định chi tiết thi hành chế độ này.

**Tiết 6. — Chế độ trợ cấp chôn cất và trợ cấp vi mất người chủ gia đình (sau đây gọi tắt là tiền tuất)**

**Điều 55.** — Khi công nhân, viên chức nhà nước chết, thì thân nhân được cấp một khoản tiền chi phí về chôn cất. Chi tiết thi hành điều này sẽ do các Bộ Lao động và Nội vụ quy định.

**Điều 56.** — Khi công nhân, viên chức nhà nước chết, thì thân nhân, ngoài trợ cấp về chôn cất và tiền tuất, được trợ cấp một số tiền căn cứ vào thời gian đã công tác liên tục của người chết, cứ mỗi năm bằng 50% của một tháng lương; mức trợ cấp này cao nhất không quá 2 tháng lương, kể cả phụ cấp và trợ cấp con (nếu có). Nếu người chết chưa có đủ thời gian công tác liên tục để hưởng tiền tuất thì cứ mỗi năm công tác được trợ cấp một tháng lương.

Đối với trường hợp công nhân, viên chức nhà nước chết vì tai nạn lao động, thì khoản trợ cấp này được tính cứ mỗi năm công tác liên tục bằng một tháng lương và mức trợ cấp thấp nhất bằng hai tháng lương, cao nhất không quá 4 tháng lương, kể cả phụ cấp và trợ cấp con (nếu có).

**Điều 57.** — Thân nhân của công nhân, viên chức nhà nước được hưởng khoản trợ cấp nói ở điều 56 là vợ hay chồng, dù không phải sống nương tựa vào người đã chết; nếu không còn vợ hay chồng, thì phải là thân nhân gần nhất mà công nhân, viên chức lúc còn sống phải nuôi dưỡng. Nếu công nhân, viên chức chết không còn thân nhân gần nhất thì không trợ cấp.

**Điều 58.** — Khi công nhân, viên chức nhà nước chết, ngoài khoản trợ cấp quy định ở điều 55 và 56, nếu đã công tác liên tục từ 5 năm trở lên và tổng số thu nhập của gia đình bị sụt từ 60% trở lên, thì thân nhân mà người đó khi còn sống phải nuôi dưỡng được hưởng tiền tuất hàng tháng quy định như sau:

a) Đối với công nhân, viên chức nhà nước có mức lương từ 40 đồng trở xuống bị chết:

— Gia đình có một người phải nuôi dưỡng, được trợ cấp 9đ,

— Gia đình có 2 người phải nuôi dưỡng, được trợ cấp 16đ,

— Gia đình có 3 người phải nuôi dưỡng, được trợ cấp 21đ,

— Gia đình có 4 người trở lên, được trợ cấp 24đ.

b) Đối với công nhân, viên chức nhà nước, khi chết, có mức lương cao hơn 40 đồng, ngoài khoản tiền nói trên, gia đình còn được hưởng thêm 5% của phần tiền lương cao hơn.

c) Đối với công nhân, viên chức nhà nước, khi chết, có từ 10 năm công tác liên tục trở lên, gia đình được thêm 10% của số tiền trợ cấp nói ở khoản trên đây.

d) Đối với công nhân, viên chức nhà nước chết vì tai nạn lao động, gia đình còn được thêm 10% của tổng số tiền trợ cấp nói ở các điểm a, b, c trên đây.

**Điều 59.** — Thân nhân của công nhân, viên chức nhà nước chết được hưởng tiền tuất phải là những người không có sức lao động bao gồm cả những người dưới 16 tuổi (nếu còn đang đi học thì đến hết 18 tuổi) mà trước khi chết, người công nhân, viên chức phải nuôi dưỡng.

Những người nói trên đây được hưởng tiền tuất cho tới khi có khả năng tự giải quyết được đời sống, hay có người đảm nhiệm nuôi dưỡng, hoặc tới khi chết.

**Điều 60.** — Khi công nhân, viên chức nhà nước chết vì tai nạn lao động, thì dù chưa đủ 5 năm công tác liên tục, thân nhân cũng được hưởng tiền tuất theo quy định ở điều 58.

**Điều 61.** — Công nhân viên chức nhà nước đã về hưu trí hay về an dưỡng do bị tai nạn lao động mà chết, thì thân nhân không có sức lao động trước đây sống nhờ vào trợ cấp hưu trí hay trợ cấp thương tật của người chết, được hưởng tiền tuất hàng tháng như quy định ở điều 58. Tiền tuất sẽ căn cứ vào trợ cấp hưu trí hay trợ cấp thương tật để tính.

Bộ Nội vụ và Bộ Lao động sẽ quy định chi tiết thi hành chế độ này.

### CHƯƠNG III

#### THỜI GIAN CÔNG TÁC CỦA CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC

**Điều 62.** — Tất cả những danh từ đã dùng để chỉ thời gian làm việc của công nhân, viên chức nhà nước, như: tuổi nghề, tuổi ngành, thâm niên công tác, thâm niên cách mạng, v.v., nay gọi thống nhất là thời gian công tác. Có hai loại thời gian công tác: thời gian công tác nói chung và thời gian công tác liên tục.

**Điều 63.** — Thời gian công tác nói chung của công nhân, viên chức nhà nước là gồm tất cả thời gian người đó đã thoát ly kinh tế gia đình để đi làm việc, lấy lương hay sinh hoạt phí làm nguồn sống chính, và công việc làm có tác dụng phục vụ lợi ích chung của xã hội (kể cả thời gian làm việc dưới chế độ cũ).

**Điều 64.** — Thời gian công tác liên tục của công nhân, viên chức nhà nước là thời gian người đó

làm việc liên tục dưới chính thể Việt-nam dân chủ cộng hòa, tại một cơ quan, xí nghiệp, công trường nông trường, lâm trường; thời gian hoạt động liên tục cho cách mạng trước ngày 2 tháng 9 năm 1945 và thời gian tham gia liên tục quân đội tình nguyện cũng được tính vào thời gian công tác liên tục.

**Điều 65.** — Chi tiết về cách tính thời gian công tác nói chung v. thời gian công tác liên tục của công nhân, viên chức nhà nước sẽ do Bộ Lao động và Bộ Nội vụ quy định.

#### CHƯƠNG IV

### VIỆC QUẢN LÝ QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ CÁC SỰ NGHIỆP BẢO HIỂM XÃ HỘI

**Điều 66.** — Đề bảo đảm việc chi tiêu cho các chế độ bảo hiểm xã hội và các sự nghiệp bảo hiểm xã hội, nay thành lập quỹ bảo hiểm xã hội của nhà nước.

Quỹ bảo hiểm xã hội của nhà nước là quỹ độc lập thuộc ngân sách nhà nước. Mọi chi phí về công tác quản lý quỹ bảo hiểm xã hội và quản lý các sự nghiệp bảo hiểm xã hội đều do quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước đài thọ.

Nội dung thu, chi của quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước do Hội đồng Chính phủ ấn định sau.

**Điều 67.** — Tổng công đoàn Việt-nam chịu trách nhiệm quản lý quỹ bảo hiểm xã hội và toàn bộ sự nghiệp bảo hiểm xã hội của công nhân, viên chức Nhà nước, cụ thể là :

— Quản lý toàn bộ quỹ, lập dự toán, quyết toán, tổng kết việc chi tiêu; hàng năm báo cáo trước Hội đồng Chính phủ.

— Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp Công đoàn trong công tác quản lý quỹ bảo hiểm xã hội.

— Quy định những biện pháp thể lệ cụ thể về quản lý quỹ và chế độ kế toán, tài vụ; phân phối, điều hòa và xét duyệt dự toán hàng quý, hàng năm của cấp dưới.

— Quản lý các nhà dưỡng lão, nhà an dưỡng, nhà nghỉ mát của công nhân, viên chức Nhà nước.

— Tham gia việc nghiên cứu xây dựng chính sách và chế độ về bảo hiểm xã hội với các cơ quan Nhà nước.

**Điều 68.** — Hàng tháng, cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường phải trích nộp cho quỹ bảo hiểm xã hội một số tiền bằng một tỷ lệ phần trăm nhất định so với tổng quỹ tiền lương của công nhân, viên chức. Tỷ lệ này do Hội đồng Chính phủ ấn định.

Việc đôn đốc nộp tiền và việc thực hiện kế hoạch thu, chi thuộc quỹ bảo hiểm xã hội do Tổng công đoàn Việt-nam và Ngân hàng Nhà nước phụ trách.

Nếu quá thời hạn quy định mà cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường chưa trích

nộp tiền bảo hiểm xã hội, thì Ban chấp hành Công đoàn nơi đó (là cấp quản lý quỹ bảo hiểm xã hội ở cơ sở) sẽ báo cho Ngân hàng mà cơ quan, xí nghiệp có tài khoản để chuyển số tiền phải nộp ấy từ tài khoản của cơ quan, xí nghiệp sang tài khoản của cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm xã hội ở địa phương.

**Điều 69.** — Tiền quỹ bảo hiểm xã hội phải gửi vào Ngân hàng Nhà nước và chịu sự quản lý tiền mặt của Ngân hàng.

Các việc mở tài khoản, thủ tục nộp, trích và chuyển tiền quỹ bảo hiểm xã hội do Tổng Công đoàn Việt-nam cùng với Ngân hàng Nhà nước quy định.

**Điều 70.** — Ở mỗi cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, sẽ thành lập một Ban Bảo hiểm xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở. Ban Bảo hiểm xã hội này có trách nhiệm đôn đốc việc trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội, và quyết định việc chi cấp tiền bảo hiểm xã hội theo thể lệ đã ban hành, kiểm tra việc thụ, chi các khoản tiền bảo hiểm xã hội.

Các bộ phận tài vụ, nhân sự, thống kê, lao động và tiền lương của cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường có trách nhiệm phục vụ công tác quản lý quỹ bảo hiểm xã hội của Công đoàn cơ sở. Thủ trưởng các đơn vị này có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các bộ phận ấy làm tốt công tác nói trên.

**Điều 71.** — Cơ quan Tài chính các cấp có trách nhiệm giám đốc sự chi tiêu quỹ bảo hiểm xã hội, hướng dẫn, giúp đỡ cơ quan quản lý quỹ thi hành đúng thể lệ tài chính của Nhà nước.

**Điều 72.** — Chi tiết về tổ chức, quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội và thể lệ lập dự toán, quyết toán thu, chi của quỹ này sẽ do Tổng công đoàn Việt-nam quy định.

Ban hành kèm theo nghị định số 218-CP  
ngày 27 tháng 12 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

### NGHỊ ĐỊNH số 219-CP ngày 28-12-1961 về việc huấn luyện quân sự cho quân nhân dự bị và dân quân tự vệ.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật nghĩa vụ quân sự ngày 15 tháng 4 năm 1960;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 27 tháng 9 năm 1961;